Phụ lục I
MẪU ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TĂNG TRƯỞNG XANH

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đề cương xây dựng chương trình phát triển đô thị
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị
Mẫu số 03	Đề cương xây dựng kế hoạch phát triển đô thị
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị
Mẫu số 05	Đề cương báo cáo đánh giá việc thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh

Mẫu số 01. Đề cương xây dựng chương trình phát triển đô thị

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Lý do và sự cần thiết (căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn).

2. Phạm vi, thời hạn, trách nhiệm cơ quan lập, thực hiện, phối hợp trong chương trình phát triển đô thị.

3. Các yêu cầu, nội dung khác về chương trình phát triển đô thị theo tình hình thực tế địa phương.

Phần II. Thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn

1. Hiện trạng hệ thống đô thị

- Nêu hiện trạng đô thị trên địa bàn (số lượng, danh mục, loại đô thị hiện hữu); danh mục theo loại đô thị; Tỷ lệ đô thị hóa; tốc độ tăng dân số đô thị; vai trò, chức năng của các đô thị trong tỉnh, thành phố.

- Hiện trạng không gian và phân bố đô thị về quy mô, ranh giới và cấu trúc không gian các đô thị; phân bố dân cư, đất xây dựng đô thị; mối quan hệ đô thị - nông thôn; mức độ phát triển đô thị theo quy hoạch; tình trạng mở rộng đô thị, phát triển dàn trải (nếu có).

2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị về giao thông đô thị và kết nối liên đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; cấp điện, chiếu sáng đô thị; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và phát triển đô thị thông minh (nếu có)…

3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội đô thị về các loại hình nhà ở; các công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; không gian công cộng, cây xanh đô thị….

4. Hiện trạng môi trường đô thị, thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu (các tác động về ngập úng, ô nhiễm, suy giảm không gian xanh,…).

5. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị kỳ trước

- Kết quả đạt được: Đánh giá cụ thể về mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chính của chương trình; kết quả đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang và phát triển mới các đô thị; kết quả công nhận loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị; kết quả thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị.

- Đánh giá tác động của chương trình đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố; nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, quản lý quy hoạch - xây dựng đến đời sống dân cư đô thị.

6. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình gồm thể chế, chính sách; công tác quy hoạch; nguồn lực; tổ chức thực hiện…

Phần III. Nội dung chương trình phát triển đô thị

1. Mục tiêu: các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể trong kỳ chương trình của địa phương.

2. Định hướng trong kỳ thực hiện chương trình

Các định hướng phát triển hệ thống đô thị; tổ chức không gian đô thị; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội; định hướng bảo vệ môi trường, phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu (dự báo theo kịch bản biến đổi khí hậu); định hướng huy động nguồn lực và quản lý thực hiện.

3. Dự kiến các chỉ tiêu phát triển đô thị, bao gồm:

- Một số chỉ tiêu phát triển đô thị chủ yếu.

- Lộ trình công nhận các đô thị mới, nâng loại đô thị, mở rộng đô thị (nếu có) trong kỳ chương trình.

- Chỉ tiêu về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đối khí hậu và phát triển bền vững;

- Các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh khác do địa phương quyết định (lựa chọn phù hợp đặc thù phát triển của tỉnh).

4. Các nhiệm vụ, giải pháp, dự án thực hiện

- Các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp tổ chức phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật và thực tế của địa phương; giải pháp quy hoạch, cơ chế, nguồn lực, tài chính, tín dụng, thủ tục hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trường hợp có nội dung liên quan đến cơ chế hoặc nguồn lực của Trung ương thì trong chương trình cần có để xuất cụ thể về cơ chế, cơ quan bố trí nguồn lực, thời gian thực hiện; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Dự kiến các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp quốc gia hoặc khu vực phục vụ các hoạt động của khu vực, quốc tế (nếu có); công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp đô thị.

- Xác định các nội dung về đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và tổ chức không gian đô thị để hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị hoặc nâng cao hơn so với quy định.

- Đối với tỉnh dự kiến trở thành đô thị loại I thì bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thời gian và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc đầu tư phát triển đô thị để đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

5. Các nội dung khác theo tình hình thực tế của địa phương.

Phần IV. Đề xuất, kiến nghị

B. PHỤ LỤC

I. Phụ lục các văn bản: Là các văn bản liên quan đến căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý để lập chương trình phát triển đô thị.

II. Các bảng biểu phụ lục:

1. Danh mục các đô thị theo phân loại đô thị; danh mục các xã, đặc khu dự kiến thành đô thị; đô thị mới (nếu có), đô thị mở rộng (nếu có), đặc khu (nếu có) trong kỳ của chương trình.

2. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng để phát triển đô thị sử dụng vốn đầu tư công và sử dụng vốn khác.

3. Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chương trình.

4. Các số liệu liên quan đến chương trình phát triển đô thị được xác định trong thời gian tổ chức khảo sát, đánh giá, xây dựng chương trình.

Mẫu số 02. Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị

ỦY BAN NHÂN DÂN…(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/20…(2)/QĐ-UBND	*…(3), ngày……tháng……năm …(2)*

QUYẾT ĐỊNH

……(4)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ…

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số……;
Căn cứ.....(5);
Theo đề nghị của……(6).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. (Tên của điều)

1. Mục tiêu, định hướng.

2. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị

3. Lộ trình công nhận các đô thị mới, nâng loại đô thị, mở rộng đô thị (nếu có) trong kỳ chương trình.

4. Một số yêu cầu phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

5. Các chương trình, đề án, dự án để thực hiện chương trình.

6. Các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện

Điều ... (Tên của điều)

1……

a)……

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- …….;	**CHỦ TỊCH**
- …….;	*(Chữ ký, dấu)*
- Lưu: VT, …(7). A.XX(8)	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố ban hành quyết định.
(2) Năm ban hành.
(3) Tên địa danh tỉnh, thành phố ban hành quyết định.
(4) Tên gọi của quyết định.
(5) Tên của văn bản là căn cứ ban hành văn bản.
(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

Mẫu số 03. Đề cương xây dựng kế hoạch phát triển đô thị

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Lý do và sự cần thiết (căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn).

2. Phạm vi, thời hạn, trách nhiệm cơ quan lập, thực hiện, phối hợp trong kế hoạch phát triển đô thị.

3. Các yêu cầu, nội dung khác về kế hoạch phát triển đô thị theo tình hình thực tế địa phương.

Phần II. Thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn

1. Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị

Đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị gồm: các chỉ tiêu phát triển đô thị nói chung theo quy định; các chỉ tiêu về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường, phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu; thực trạng công tác quản lý phát triển đô thị.

2. Đánh giá về kết quả đạt được

- Việc triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại chương trình phát triển đô thị;

- Kết quả triển khai kế hoạch phát triển đô thị kỳ trước.

3. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

Phần III. Nội dung kế hoạch phát triển đô thị

1. Xác định các nội dung ưu tiên đầu tư, cải tạo, chỉnh trang hoặc phát triển mới để đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn về trình độ phát triển đô thị theo quy định và các chỉ tiêu thống kê cấp xã khác liên quan đến việc phát triển đô thị do địa phương quyết định trong kỳ kế hoạch.

2. Dự kiến các chỉ tiêu phát triển đô thị; dự kiến các dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn (bao gồm cả dự án cấp đô thị thuộc trách nhiệm đầu tư xây dựng của cấp tỉnh hoặc cấp trung ương) để hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn theo phân loại đô thị hoặc nâng cao hơn so với quy định hoặc nhằm đáp ứng yêu cầu nâng loại đô thị (nếu có):

- Nhóm các dự án đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: giao thông đô thị (bao gồm các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính, đường khu vực, đường nội bộ đô thị theo quy hoạch được duyệt; hoàn thiện hệ thống vỉa hè, bãi đỗ xe, nút giao thông, cầu, cống nhằm nâng cao năng lực giao thông đô thị…); dự án cấp nước đô thị (xây dựng mới, cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung; nâng cấp mạng lưới phân phối nước…); dự án thoát nước và xử lý nước thải (đầu tư hệ thống thoát nước mưa, nước thải; xây dựng trạm, nhà máy xử lý nước thải tập trung…); dự án cấp điện, chiếu sáng đô thị (nâng cấp lưới điện trung - hạ thế, trạm biến áp; cải tạo, mở rộng hệ thống chiếu sáng công cộng…); dự án quản lý chất thải rắn (đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung, trạm trung chuyển rác thải…); các dự án hạ tầng kỹ thuật khác (nếu có);

- Nhóm các dự án đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội gồm: dự án giáo dục (xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy mô dân số đô thị…); dự án y tế (nâng cấp, xây dựng trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh khu vực…); dự án văn hóa, thể thao, không gian công cộng (đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao, công viên, quảng trường, không gian sinh hoạt cộng đồng…; các dự án hạ tầng xã hội khác (nếu có);

- Các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn;

- Trường hợp trên địa bàn có các dự án cấp đô thị thì trong kế hoạch phải nêu rõ thuộc trách nhiệm triển khai thực hiện của cấp tỉnh hoặc cấp trung ương.

3. Các yêu cầu, giải pháp

- Để phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai;

- Để triển khai thực hiện phát triển đô thị theo tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị.

4. Đối với đô thị hiện hữu, đô thị mở rộng, đô thị mới thì phải xác định các dự án đầu tư phát triển đô thị tuân thủ quy hoạch được phê duyệt, xác định lộ trình để thực hiện dự án và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, huy động nguồn lực để đầu tư dự án; đối với đặc khu được xác định là đô thị hoặc xã, đặc khu dự kiến thành đô thị thì phải xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình để đáp ứng các yêu cầu về phân loại đô thị theo quy định và xây dựng cơ chế điều phối, quản lý phát triển đặc thù phù hợp đối với đặc khu được xác định là đô thị hoặc đặc khu dự kiến thành đô thị.

5. Dự kiến nguồn lực về tài chính để thực hiện, trong đó xác định cụ thể nguồn lực của Nhà nước đầu tư xây dựng, bao gồm ngân sách trung ương, tỉnh, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật (nếu có).

6. Các giải pháp cụ thể và nội dung khác để thực hiện kế hoạch bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Phần IV. Đề xuất, kiến nghị

B. PHỤ LỤC

I. Phụ lục các văn bản: Các văn bản là căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý để lập kế hoạch phát triển đô thị.

II. Các bảng biểu phụ lục:

1. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng để phát triển đô thị sử dụng vốn đầu tư công và vốn khác.

2. Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển đô thị.

3. Các số liệu liên quan đến kế hoạch phát triển đô thị được xác định trong thời gian tổ chức khảo sát, đánh giá, xây dựng kế hoạch.

Mẫu số 04. Quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị

ỦY BAN NHÂN DÂN…(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/20…(2)/QĐ-UBND	*…(3), ngày……tháng……năm …(2)*

QUYẾT ĐỊNH

……(4)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số……;

Căn cứ.....(5);

Theo đề nghị của……(6).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. (Tên của điều)

1. Các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu và các chỉ tiêu thống kê cấp xã khác liên quan đến phát triển đô thị.

2. Một số yêu cầu phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

3. Các nội dung cụ thể đối với đô thị hiện hữu, đô thị mở rộng, đô thị mới, đặc khu được xác định là đô thị, xã hoặc đặc khu dự kiến thành đô thị.

4. Các dự án đầu tư xây dựng để thực hiện kế hoạch.

5. Các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực thực hiện.

6. Tổ chức thực hiện

Điều ... (Tên của điều)

1……

a)……

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- …….;	**CHỦ TỊCH**
- …….;	*(Chữ ký, dấu)*
- Lưu: VT, …(7). A.XX(8)	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên tỉnh, thành phố ban hành quyết định.

(2) Năm ban hành.

(3) Tên địa danh tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu ban hành quyết định.

(4) Tên gọi của quyết định.

(5) Tên của văn bản là căn cứ ban hành văn bản.

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 05. Đề cương báo cáo đánh giá việc thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh

I. Thông tin chung

1. Tên tỉnh/thành phố:

2. Năm báo cáo:

3. Đơn vị đầu mối tổng hợp báo cáo:

II. Cơ sở pháp lý và phương pháp đánh giá

1. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số …/…/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Các văn bản chỉ đạo của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh, thành phố;

- Các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh.

2. Phương pháp và nguồn dữ liệu:

- Báo cáo của các sở, ngành, địa phương;

- Kết quả quan trắc, dữ liệu GIS, dữ liệu đô thị thông minh;

- Khảo sát thực tế tại các khu vực đô thị;

- Đánh giá, đối chiếu với hệ thống chỉ tiêu quy định tại Nghị định, Quy chuẩn và kế hoạch thực hiện hàng năm của địa phương.

III. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh

1. Nhóm chỉ tiêu hạ tầng xanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm báo cáo	Thực hiện	Ghi chú
1	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%			
2	Tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng xanh	%			
3	Tỷ lệ phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải	%			
4	Đường dành riêng cho xe đạp	km			
5	Tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng	%			
6	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống tập trung	%			
7	Diện tích đất cây xanh công cộng bình quân đầu người	m^2/người			

2. Nhóm chỉ tiêu môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	So sánh quy chuẩn	Thực hiện	Ghi chú
1	Chỉ số chất lượng không khí				
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	%			
3	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	%			
4	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi siêu mịn và bụi mịn trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép	ngày/năm			

3. Nhóm chỉ tiêu năng lượng và giảm phát thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm báo cáo	Thực hiện	Ghi chú
1	Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng đô thị	%			
2	Tỷ lệ nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu	%			
3	Số lượng công trình xanh	Công trình			

IV. Đánh giá kết quả thực hiện

Căn cứ kết quả việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cấp tỉnh, bao gồm:

- Hiệu quả vận hành hệ thống hạ tầng xanh;

- Chất lượng môi trường đô thị;

- Hiệu quả năng lượng và giảm phát thải;

- Mức độ sử dụng vật liệu carbon thấp, vật liệu thân thiện với môi trường;

- Nội dung khác (nếu có);

- Đánh giá chung về mức độ đạt được các chỉ tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh.

V. Thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

VI. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Bộ Xây dựng:

- Đối với các bộ, ngành trung ương khác:

- Đối với địa phương:

VII. Kết luận

- Tổng hợp tình hình phát triển đô thị tăng trưởng xanh năm báo cáo;
- Định hướng và nhiệm vụ trọng tâm cho năm tiếp theo.

Phụ lục kèm theo

1. Biểu tổng hợp số liệu các chỉ tiêu
2. Hình ảnh, bản đồ GIS, sơ đồ hạ tầng xanh
3. Báo cáo chi tiết của các đô thị (khu vực đô thị) trực thuộc.

Phụ lục II
PHƯƠNG PHÁP TÍNH CÁC TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TĂNG TRƯỞNG XANH

(Kèm theo Nghị định /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

I. Khái niệm và phương pháp tính

1. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng được tính bằng tỷ lệ phần trăm chuyến đi trong một khu vực được thực hiện bằng phương tiện vận tải hành khách công cộng phù hợp với đặc điểm của từng đô thị theo vùng miền so với tổng số nhu cầu đi lại của người dân trong khu vực đó.

- Công thức tính: Tỷ lệ (%) = (Lượt khách vận tải bằng phương tiện công cộng/Tổng nhu cầu đi lại) x 100%

2. Tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng xanh

- Tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng xanh được tính bằng tỷ lệ phần trăm phương tiện xe buýt sử dụng năng lượng xanh (bao gồm: xe điện, xe sử dụng khí thiên nhiên nén - CNG, xe lai - hybrid hoặc xe sử dụng nhiên liệu hydro) so với tổng số phương tiện xe buýt.

- Công thức tính: Tỷ lệ (%) = (Số lượng xe buýt sử dụng năng lượng xanh/ Tổng số phương tiện xe buýt) x 100%

3. Tỷ lệ phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải

- Tỷ lệ phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải được tính bằng tỷ lệ phần trăm phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải (bao gồm: xe ô tô điện, xe ô tô hybrid, xe máy điện, xe đạp điện và các phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải khác) so với tổng số phương tiện cá nhân.

- Công thức tính: Tỷ lệ (%) = (Số lượng phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải/Tổng số phương tiện cá nhân) x 100%

4. Đường dành riêng cho xe đạp

Đường dành riêng cho xe đạp được tính bằng tổng chiều dài (km), bao gồm đường được đầu tư xây dựng mới hoặc được xác định dành riêng cho xe đạp trên diện tích đường hiện hữu đang sử dụng trên địa bàn.

5. Tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng

- Tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng được tính bằng tỷ lệ phần trăm chiều dài các tuyến đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng so với tổng chiều dài đường đô thị được chiếu sáng.

- Công thức tính: Tỷ lệ (%) = (Tổng chiều dài đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng/Tổng chiều dài đường đô thị được chiếu sáng) x 100%

6. Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng đô thị

- Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng đô thị được tính bằng phần trăm năng lượng điện tái tạo (bao gồm: điện mặt trời, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng biển, điện thủy triều, điện từ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải của quá trình sản xuất, kinh doanh, điện sinh khối và thủy điện) được tiêu thụ so với tổng tiêu thụ năng lượng điện trong khu vực.

- Công thức tính: Tỷ lệ (%) = (Tổng năng lượng điện tái tạo/Tổng tiêu thụ năng lượng điện trong khu vực) x 100%

7. Tỷ lệ nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu

- Tỷ lệ nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu được tính bằng tỷ lệ phần trăm nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu so với tổng số nhà dân trong khu vực.

- Công thức tính: Tỷ lệ (%) = (Tổng số nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu/Tổng số nhà dân trong khu vực) x 100%

8. Số lượng công trình xanh

Số lượng công trình xanh được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được cấp chứng nhận công trình xanh so với số lượng công trình xanh năm trước liền kề với năm báo cáo (trường hợp trên địa bàn tỉnh, thành phố không có công trình xanh thì ghi rõ không có công trình xanh).

II. Kỳ công bố

- Công bố hàng năm trong Báo cáo đánh giá việc thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh.

- Các chỉ tiêu liên quan đến môi trường không khí (chỉ số chất lượng không khí, bụi siêu mịn, bụi mịn) có thể cập nhật theo tháng hoặc quý nếu có hệ thống quan trắc tự động.

III. Nguồn số liệu

- Báo cáo của các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương.

- Hệ thống quan trắc môi trường tự động.

- Dữ liệu từ Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC).

- Số liệu GIS, thống kê dân số, doanh nghiệp dịch vụ đô thị.

- Báo cáo từ Ủy ban nhân dân cấp xã.

IV. Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập và tổng hợp

1. Đơn vị chủ trì cấp tỉnh

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổng hợp 14 chỉ tiêu.

2. Đơn vị phối hợp

- Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi và cung cấp các chỉ tiêu liên quan đến môi trường, chất thải, quan trắc.

- Sở Công Thương theo dõi và cung cấp các chỉ tiêu liên quan đến năng lượng tái tạo, tiêu thụ năng lượng.

- Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi và cung cấp các chỉ tiêu liên quan đến hạ tầng thông minh, trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC).

- Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi và cung cấp dữ liệu liên quan đến dân số, hạ tầng, hiện trạng đô thị.

3. Đơn vị chuyên trách trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

- Trung tâm hoặc Ban chuyên trách phát triển đô thị.

- Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC).

- Tổ chức khác được Ủy ban nhân dan cấp tỉnh giao nhiệm vụ chuyên trách.

Phụ lục III

MẪU ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN LOẠI ĐÔ THỊ, ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐÔ THỊ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN LOẠI ĐÔ THỊ, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH LIÊN NGÀNH

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đề cương đề án công nhận loại đô thị loại I
Mẫu số 02	Quyết định công nhận đô thị loại I
Mẫu số 03	Đề cương lập đề án công nhận loại đô thị loại II hoặc loại III
Mẫu số 04	Quyết định công nhận đô thị loại II, loại III
Mẫu số 05	Đề cương báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị
Mẫu số 06	Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị
Mẫu số 07	Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành

Mẫu số 01. Đề cương đề án công nhận loại đô thị loại I

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Sự cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý.

3. Phạm vi lập đề án.

Phần II. Phần nội dung đề án

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển đô thị.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch tỉnh và các quy hoạch đô thị được duyệt.

3. Đánh giá thực trạng phát triển đô thị theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại I quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, nội dung đánh giá như sau:

- Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;

- Mức độ đô thị hóa;

- Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;

- Tổng hợp thông tin, số liệu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về phân loại đô thị (Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại I).

4. Rà soát, đánh giá phân loại đô thị đối với các đô thị loại II Đánh giá phân loại đô thị loại II quy định tại Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, nội dung đánh giá như sau:

- Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;

- Mức độ đô thị hóa;

- Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;

- Tổng hợp thông tin, số liệu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về phân loại đô thị loại II (*Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15*);

- Tổng hợp thông tin, số liệu đánh giá mức độ đáp ứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với từng đơn vị hành chính cấp xã trong loại II quy định tại mục III Bảng 2B Phụ lục II (*Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15*).

- Tổng hợp thông tin, số liệu đánh giá mức độ đáp ứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị loại II đối với 01 đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị loại II quy định tại Bảng 2B Phụ lục II (Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị).

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

Phần III. Kết luận và kiến nghị

B. PHỤ LỤC

1. Văn bản pháp lý gồm:

- Các quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh;

- Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

- Các quyết định công nhận loại đô thị; các quyết định công nhận phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II;

- Các văn bản khác có liên quan đến định hướng phát triển đô thị trên địa bàn.

2. Ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Báo cáo thẩm tra của Sở Xây dựng

4. Bảng biểu số liệu liên quan gồm:

- Số liệu đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại I;

- Số liệu đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II.

(*Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố*)

5. Bản vẽ A0 được đóng dấu xác nhận gồm: sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng của đô thị loại I (01 bản); sơ đồ phạm vi ranh giới toàn đô thị và phạm vi ranh giới các đô thị trực thuộc (01 bản); bản đồ vị trí các công trình đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng, công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị đã được đầu tư xây dựng đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

6. Bản vẽ thu nhỏ (A3) các đô thị loại II trực thuộc được đóng dấu xác nhận gồm: sơ đồ phạm vi ranh giới toàn đô thị và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), sơ đồ định hướng phát triển không gian đô thị (01 bản), bản đồ quy hoạch giai đoạn ngắn hạn (02 bản thể hiện các nội dung quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật).

C. Video hình ảnh minh họa thực trạng phát triển của đô thị (khoảng 20 phút).

Mẫu số 02. Quyết định công nhận đô thị loại I

BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BXD	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tỉnh … *[Ghi tên tỉnh]* đạt tiêu chí đô thị loại I

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan] về phân loại đô thị];

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thực hiện công nhận];

Xét đề nghị của ... [Cơ quan trình đề án phân loại đô thị] ... tại Tờ trình ... [Ghi số Tờ trình và ngày tháng năm];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tỉnh … *[Ghi tên tỉnh]* đạt tiêu chí đô thị loại I.

Điều 2. Phạm vi ranh giới công nhận tỉnh … *[Ghi tên đô thị]* có tổng diện tích tự nhiên là … *[Ghi cụ thể diện tích theo ranh giới hành chính, đơn vị tính là km^2].* Dân số năm … *[Ghi theo năm có Tờ trình]* là … người.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Ghi cụ thể các cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định] … và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận*:** - Như Điều …; - ……; - Lưu: VT., …[1], …[2].	**BỘ TRƯỞNG** *(Ghi rõ chức danh, tên người ký)*

[1] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
[2] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 03. Đề cương đề án công nhận loại đô thị loại II hoặc loại III

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Sự cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý.

3. Phạm vi lập đề án.

Phần II. Phần nội dung đề án

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đô thị.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt.

3. Đánh giá phân loại đô thị loại II hoặc loại III quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, nội dung đánh giá như sau:

- Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;

- Mức độ đô thị hóa;

- Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;

- Tổng hợp thông tin, số liệu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về phân loại đô thị loại II hoặc loại III (*Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị*);

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:

a) Đối với đô thị có phạm vi ranh giới thuộc 01 đơn vị hành chính cấp xã thì đánh giá đạt trình độ phát triển đô thị theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 yêu cầu tối thiểu đạt 75 điểm của loại đô thị tương ứng, nội dung đánh giá như sau:

- Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;

- Mức độ đô thị hóa;

- Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;

- Bảng tổng hợp đánh giá tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị đạt yêu cầu theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

b) Đối với đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã thì đánh giá trình độ phát triển đô thị cho từng dơn vị hành chính theo Mục III tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 bảo đảm có điểm trung bình đạt 48 điểm và có ít nhất 01 đơn vị hành chính cấp xã đạt 75 điểm của loại đô thị tương ứng. Nội dung đánh giá như sau:

- Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu đối với đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị về: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; mức độ đô thị hóa; mức độ đáp ứng trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;

- Mức độ đáp ứng trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đối với từng đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị;

- Bảng tổng hợp đánh giá tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị đạt yêu cầu theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

- Bảng tổng hợp đánh giá tiêu chuẩn các đơn vị hành chính trong đô thị theo Mục III Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

Phần III. Kết luận và kiến nghị

B. PHỤ LỤC

1. Văn bản pháp lý:

- Các quyết định phê duyệt quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu;

- Các quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị (nếu có);

- Các quyết định công nhận đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị đạt trình độ phát triển đô thị theo loại tương ứng;

- Các văn bản khác có liên quan đến định hướng phát triển đô thị trên địa bàn.

2. Ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm: sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng (01 bản), sơ đồ phạm vi ranh giới toàn đô thị và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), sơ đồ định hướng phát triển không gian (01 bản), bản đồ quy hoạch giai đoạn ngắn hạn (02 bản thể hiện các nội dung quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật).

4. Bảng biểu số liệu liên quan:

- Số liệu đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II hoặc loại III;

- Số liệu đánh giá phân loại đô thị các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đô thị loại II hoặc loại III.

(*Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố*).

C. Video hình ảnh minh họa thực trạng phát triển của đô thị (khoảng 20 phút).

Mẫu số 04. Quyết định công nhận đô thị loại II, loại III

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-…….	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận đô thị … *[Ghi tên đô thị]*[1] thuộc tỉnh/thành phố *[Ghi tên tỉnh]* là đô thị loại …

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan] về phân loại đô thị];

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thực hiện công nhận];

Xét đề nghị của ... [Cơ quan trình đề án công nhận loại đô thị] ... tại Tờ trình ... [Ghi số Tờ trình và ngày tháng năm];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đô thị … *[Ghi tên đô thị]* trực thuộc tỉnh *[Ghi tên tỉnh]* là đô thị loại ….

Điều 2. Phạm vi ranh giới công nhận đô thị … *[Ghi tên đô thị]* có tổng diện tích tự nhiên là … *[Ghi cụ thể diện tích theo ranh giới hành chính, đơn vị tính là km²]*, gồm các phường/xã: … *[Liệt kê các phường, đặc khu là đô thị và phân loại đô thị]*. Dân số năm … *[Ghi theo năm có Tờ trình]* là … người.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Ghi cụ thể các cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định] … và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận*:** - Như Điều …; - …….; - Lưu: VT., …[2],…[3].	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Ghi rõ chức danh, tên người ký,)*

[1] Tên đô thị được xác định theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.
[2] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
[3] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 05. Đề cương Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị

A. THUYẾT MINH

Phần I. Mở đầu

1. Sự cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý.

3. Phạm vi lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.

Phần II. Nội dung báo cáo

1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị (*Áp dụng đối với báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực mở rộng của đô thị theo quy hoạch đô thị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định này*).

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt.

3. Đánh giá trình độ phát triển đô thị quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, nội dung đánh giá như sau:

- Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội;

- Mức độ đô thị hóa của đô thị;

- Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị;

- Tổng hợp thông tin, số liệu, đánh giá mức độ đáp ứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị loại II hoặc loại III (*Bảng tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị*).

4. Tóm tắt kế hoạch phát triển đô thị trong giai đoạn tiếp theo.

Phần III. Kết luận và kiến nghị

B. PHỤ LỤC

1. Văn bản pháp lý:

- Các quyết định phê duyệt quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu;

- Các quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị (nếu có);

- Các văn bản khác có liên quan đến định hướng phát triển đô thị trên địa bàn.

2. Ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm: bản đồ phạm vi lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị (01 bản); bản đồ hiện trạng xây dựng và vị trí công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đang triển khai thực hiện tại đơn vị hành chính trong đô thị (01 bản); các bản đồ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết trong đó thể hiện rõ định hướng phát triển không gian, sử dụng đất tại khu vực đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị.

4. Bảng biểu số liệu liên quan (*số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố*).

Mẫu số 06. Quyết định công nhận trình độ phát triển đô thị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH…..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-….	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận … *[Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã]* trong… *[Ghi tên đô thị]* thuộc tỉnh/thành phố … *[Ghi tên tỉnh, thành phố]* đạt trình độ phát triển trong đô thị loại … *[Ghi loại trình độ phát triển đô thị]*

———

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan] về phân loại đô thị];

Căn cứ ... [Ghi các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức];

Xét đề nghị của ... [Cơ quan trình báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị] ... tại Tờ trình ... [Ghi số Tờ trình và ngày tháng năm];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận … *[Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã]* trong… *[Ghi tên đô thị]* thuộc tỉnh/thành phố … *[Ghi tên tỉnh, thành phố]* đạt trình độ phát triển đô thị đơn vị hành chính trong đô thị loại … *[Ghi loại đô thị]*.

Điều 2. Phạm vi ranh giới công nhận … *[Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã]* có tổng diện tích tự nhiên là … *[Ghi cụ thể diện tích theo ranh giới hành chính, đơn vị tính là km²]*. Dân số năm … *[Ghi theo năm có Tờ trình]* là … người.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

[Ghi cụ thể các cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định] … và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận*:** - Như Điều …; - ……; - Lưu: VT.,…[1],…[2].	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Ghi rõ chức danh, tên người ký,)*

[1] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

[2] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 07. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TB-.....	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Của Hội đồng thẩm định liên ngành về Đề án công nhận đô thị/Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị ... ***[Ghi tên tỉnh; Ghi tên đô thị thực thuộc tỉnh/thành phố đối với đô thị loại II, loại III/Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc đô thị]*** **là đô thị loại/đạt trình độ phát triển trong đô thị loại ...** ***[Ghi loại đô thị]***

Các nội dung chi tiết gồm:

1. Sự cần thiết phân loại đô thị.

2. Căn cứ pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt.

3. Trình tự thủ tục lập và thành phần hồ sơ đề án/báo cáo.

4. Góp ý cụ thể vào các nội dung của đề án/báo cáo.

5. Điểm đánh giá trung bình của các thành viên Hội đồng thẩm định liên ngành.

6. Kết luận, kiến nghị.

***Nơi nhận*:** - Như Điều …; - ……; - Lưu: VT., …[2],…[3].	**TM. HỘI ĐÔNG THẨM ĐỊNH[4]** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** *(Ghi rõ chức danh, tên người ký,)*

[1] Đối với trường hợp thẩm định công nhận đô thị loại I: Bộ Xây dựng; đối với trường hợp thẩm định công nhận đô thị loại II, III và Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

[2] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

[3] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

[4] Sử dụng dấu của Bộ Xây dựng đối với đô thị loại I; sử dụng dấu của cơ quan chuyên môn được giao là thường trực Hội đồng thẩm định liên ngành đối với đô thị loại II, III; sử dụng dấu của Sở Xây dựng đối với Báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị.